

# Pretest TBS

🕒 Column	@November 16, 2021 9:05 AM
▼ Giảng viên	
👤 Người soạn	🕒 Quốc Bảo
▼ Type	

## Câu 1. Còn ống động mạch

A. Là tim bẩm sinh thường gặp nhất

B. Có thể chỉ là tạm thời trong thời kỳ sơ sinh ở trẻ sanh non

C. Thường có âm thổi tâm thu ở khoảng liên sườn 2 và đường giữa đòn trái

☒ D. Là tật tim bẩm sinh thường gặp nhất ở trẻ có Rubella trong 6 tháng đầu thai kỳ

**Câu 2. Trong quá trình phát triển phôi thai học, ống động mạch xuất phát từ cung mang thứ mấy**

- A. Cung mang thứ 5
- B. **Cung mang thứ 6**
- C. Cung mang thứ 7
- D. Cung mang thứ 8

**Câu 3. Thời điểm đóng ống động mạch về mặt chức năng**

- A. Thường sau sanh 24h
- B. **Thường sau sanh 48h**
- C. Thường sau sanh 72h
- D. Thường sau sanh 96h

**Câu 4. Hậu quả của còn ống động mạch trên trẻ sanh non**

- A. Viêm ruột hoại tử
- B. Tăng áp phổi
- C. Suy tim phải
- D. Tăng tưới máu vành

---

**Câu 5. Triệu chứng cơ năng của còn ống động mạch**

- A. Trẻ còn ống động mạch nhỏ thường bị viêm phổi
  - B. Trẻ còn ống động mạch lớn thường có triệu chứng suy tim
  - C. Trẻ còn ống động mạch lớn thường lên cân tốt
  - D. Trẻ còn ống động mạch nhỏ thường bị viêm nội tâm mạc nhiễm trùng
-

**Câu 6. Dấu hiệu X quang ngực ủa còn ống động mạch**

- A. Ống động mạch nhỏ : X quang ngực lớn thất trái
- B. Ống động mạch trung bình : tăng lưu lượng máu lên phổi, lớn nhĩ trái và thất trái**
- C. Ống động mạch lớn : hình ảnh cắt cụt với cung động mạch phổi phồng
- D. Tất cả đều sai

27

**Câu 7. Các đặc điểm nào không thể khảo sát trên siêu âm tim**

- A. Chiều dài ống động mạch
- B. Đường kính ống động mạch
- C. Chức năng hai thất
- D. **Kháng lực mạch** máu phổi

27

**Câu 8. Điều trị ống động mạch ở trẻ sơ sinh non tháng**

- A. Hạn chế dịch**
- B. Giữ Hct 40-45%
- C. Cung cấp Oxy lưu lượng cao
- D. Theo dõi 3 tháng nếu không có triệu chứng

**Câu 9. Chỉ định thông tim can thiệp đóng ống động mạch bằng dụng cụ**

- A. Bằng coil nếu ống động mạch dưới 5 mm
- B. Bằng dù nếu ống động mạch từ 4-10 mm**
- C. Đóng ống động mạch bằng dụng cụ khi đường kính ống động mạch > cân nặng
- D. Có thể đóng bằng dụng cụ khi trẻ có nhiễm trùng huyết nặng

**Câu 10. Biến chứng sau phẫu thuật ống động mạch là, chọn câu sai**

- A. Nhiễm trùng
- B. Tràn dịch dưỡng chấp
- C. Xuất huyết
- D. **Liệt dây thần kinh XII**

27

**Câu 11. Tỷ lệ còn ống động mạch trong các tật tim bẩm sinh**

- A. 5-10%**
- B. 10-20%
- C. 30-40%
- D. 40-50%

**Câu 12. Nguyên nhân xuất hiện còn ống động mạch**

- A. Trẻ sanh mổ
- B. Trẻ sanh ngạt**
- C. Trẻ sanh non > 30 tuần
- D. Trẻ sanh non cân nặng > 1750 g

27

**Câu 13. Yếu tố nào giúp đóng ống động mạch sau sanh**

- A. PO<sub>2</sub> thấp
- B. Tăng prostaglandin tại chỗ
- C. Giảm NO
- D. Tăng Noradrenalin**

27

**Câu 14. Cờn ống đợng mạch type B cđ dợng gđ**

- A. Conicol
- B. Window**
- C. Tubular
- D. Complex

27

**Câu 15. Triệu chứng thực thể của cờn ống đợng mạch**

- A. Huyết áp tâm thu cao, tâm trương cao gây hiệu ứng dẫn rộng
- B. Mạch nghịch (mạch nảy mạnh chìm sâu)
- C. Tim to, thất trái tăng đợng khi cờn ống đợng mạch lớn**
- D. Rũ tâm trương do hẹp van ba lá tương đợi



**Câu 16. Điện tâm đồ trong còn ống động mạch**

- A. Hình ảnh lớn nhĩ **phải** trong còn ống động mạch nhỏ
- B. Hình ảnh lớn **hai** thất trong còn ống động mạch trung bình
- C. Hình ảnh tăng lưu lượng máu lên phổi trong còn ống động mạch lớn** điện tâm đồ mà thấy tăng lưu lượng máu lên phổi?
- D. Hình ảnh lớn thất phải khi chưa có tăng áp phổi

27

**Câu 17. Chẩn đoán phân biệt ống động mạch với tật tim bẩm sinh nào sau đây**

- A. Thông liên thất**
- B. Thông liên nhĩ
- C. Kênh nhĩ thất
- D. Hẹp động mạch phổi ngoại biên

27

**Câu 18. Điều trị đóng ống động mạch ở trẻ sơ sinh đủ tháng**

- A. Sử dụng Ibuprofen nếu không có chống chỉ định
- B. Không cần giới hạn hoạt động thể lực nếu không có tăng áp phổi**
- C. Không cần phòng ngừa viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn
- D. Điều trị suy tim bằng phối hợp Digoxin + Furosemide + Captopril



**Câu 19. Phẫu thuật cột cắt ống động mạch**

- A. Khi ống động mạch trên 10 mm
- B. Khi thất bại với đóng ống động mạch bằng dụng cụ**
- C. Tỷ lệ tử vong là 1%
- D. Biến chứng có thể là liệt cơ hoành phải



**ĐÁP ÁN TỰ LÀM**

- |      |       |       |       |
|------|-------|-------|-------|
| 1. B | 6. B  | 11. A | 16. C |
| 2. B | 7. D  | 12. B | 17. A |
| 3. B | 8. A  | 13. D | 18. B |
| 4. A | 9. B  | 14. B | 19. B |
| 5. B | 10. D | 15. C | 20. A |

**Câu 20. Biến chứng cầu đóng ống động mạch bằng dụng cụ**

**A. Shunt tồn lưu**

B. Dụng cụ trôi vào động mạch chủ

C. Thuyên tắc não

D. Tổn thương động mạch cảnh

27



**ĐÁP ÁN TỰ LÀM**

1. B

6. B

11. A

16. C

2. B

7. D

12. B

17. A

3. B

8. A

13. D

18. B

4. A

9. B

14. B

19. B

5. B

10. D

15. C

20. A